

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “ Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/04/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, thay đổi lần thứ 06 (sáu) Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 29 tháng 7 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 1B, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: BKC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Bản	Chủ tịch
Ông Bùi Đăng Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hào	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Trần Hữu Độ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Vũ Hồng Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Đinh Trung Hiếu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2012)
Bà Hoàng Thị Định	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Mai Văn Bản	Tổng Giám đốc
Ông Nông Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thị Định	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ma Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hữu Độ	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Mai Văn Bản
Tổng Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Số. 4.8 3012/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập ngày 14 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số. 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số. 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 01A-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		67.327.672.365	50.676.031.857
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.226.931.967	2.030.415.607
1. Tiền	111	5.1	4.226.931.967	2.030.415.607
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.305.670.467	10.042.194.644
1. Phải thu khách hàng	131		4.118.408.879	5.370.506.741
2. Trả trước cho người bán	132		7.558.195.642	3.203.253.662
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	3.767.125.173	2.606.493.468
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.138.059.227)	(1.138.059.227)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	45.061.975.522	34.642.461.974
1. Hàng tồn kho	141		45.061.975.522	34.642.461.974
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3.733.094.409	3.960.959.632
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.480.354.472	1.451.346.928
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		519.313.156	594.319.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	33.180.819	81.554.949
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	1.700.245.962	1.833.738.165
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		86.507.516.302	83.724.016.936
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		76.334.512.274	74.213.235.994
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	50.314.070.159	50.182.546.217
Nguyên giá	222		90.706.790.350	88.169.054.058
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.392.720.191)	(37.986.507.841)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.186.098.806	1.223.728.560
Nguyên giá	228		1.920.279.086	1.920.279.086
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(734.180.280)	(696.550.526)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	24.834.343.309	22.806.961.217
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	5.809.327.232	4.909.327.232
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		958.491.412	958.491.412
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.850.835.820	3.950.835.820
V. Lợi thế thương mại	260		-	710.921.093
V- Tài sản dài hạn khác	270		4.363.676.796	3.890.532.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	3.713.150.060	3.277.976.881
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		385.238.623	385.238.623
3. Tài sản dài hạn khác	273		265.288.113	227.317.113
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		153.835.188.667	134.400.048.793

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		67.827.799.412	41.792.488.342
I- Nợ ngắn hạn	310		67.544.711.649	41.409.792.292
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	10.301.015.102	913.720.000
2. Phải trả người bán	312		8.969.121.438	6.736.374.249
3. Người mua trả tiền trước	313		23.508.054.786	19.564.682.420
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	3.851.808.246	2.787.643.895
5. Phải trả người lao động	315		4.303.131.482	3.261.799.219
6. Chi phí phải trả	316		31.959.000	30.785.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	16.579.956.145	8.185.782.059
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(334.550)	(70.994.550)
II- Nợ dài hạn	330		283.087.763	382.696.050
3. Phải trả dài hạn khác	333		18.000.000	18.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		265.087.763	364.696.050
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		83.523.167.052	90.623.338.248
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	83.523.167.052	90.623.338.248
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.347.000.000	60.347.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.075.321.615	16.011.030.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(6.644.838.836)	(6.999.861.600)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.374.860.593	11.374.860.593
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.025.846.951	2.025.846.951
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		344.976.729	7.864.462.304
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		2.484.222.203	1.984.222.203
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400 +439)	450		153.835.188.667	134.400.048.793

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Yến

Đinh Trung Hiếu



Mai Văn Bản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 02A-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		16.515.140.722	47.589.496.725
2. Các khoản giảm trừ	02		102.330.749	66.876.720
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.16	16.412.809.973	47.522.620.005
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	18.498.003.486	34.348.877.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(2.085.193.513)	13.173.742.729
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	288.339.642	970.939.913
7. Chi phí tài chính	22	5.19	836.051.270	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		477.458.760	-
8. Chi phí bán hàng	24		63.162.067	271.542.826
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.767.834.596	3.347.669.100
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.463.901.804)	10.525.470.716
{30 = 20+(21-22)-(24+25)}				
11. Thu nhập khác	31	5.20	144.000.000	29.572.727
12. Chi phí khác	32	5.21	477.618.878	87.729.712
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(333.618.878)	(58.156.985)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30+40+50)	60		(6.797.520.682)	10.467.313.731
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	5.22	-	1.053.731.373
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70 = 60-61-62)	70		(6.797.520.682)	9.413.582.358
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	72		(6.797.520.682)	9.413.582.358
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.23	(1.199)	1.602

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc

Trần Thị Yến

Đinh Trung Hiếu

Mai Văn Bản



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 03A-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	(6.797.520.682)	10.467.313.731
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.443.842.104	2.343.914.040
- Các khoản dự phòng	03	-	(175.722.495)
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(288.339.642)	(968.777.413)
- Chi phí lãi vay	06	477.458.760	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(4.164.559.460)	11.666.727.863
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(3.383.652.963)	(1.583.369.143)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(10.419.513.548)	(121.566.899)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	19.273.462.764	(9.229.929.840)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(464.180.723)	3.293.488.966
- Tiền lãi vay đã trả	13	(484.883.760)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(960.128.954)	(1.296.174.333)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	629.300.108	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.869.049.193)	(175.136.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.843.205.729)	2.554.040.463
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(5.202.932.784)	(4.906.833.443)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(850.000.000)	(708.881.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	288.339.642	968.777.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.764.593.142)	(4.646.937.030)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	419.314.379	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(5.267.314.830)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.416.922.342	65.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.029.627.240)	(105.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.294.250)	(8.399.810.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.804.315.231	(13.707.125.680)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.196.516.360	(15.800.022.248)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.030.415.607	22.051.055.378
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.226.931.967	6.251.033.131

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Yến

Đinh Trung Hiếu

Mai Văn Bản

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, thay đổi lần thứ 06 (sáu) Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 ngày 29 tháng 7 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 06 (sáu) ngày 29 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 60.347.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 1B, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại ngày 30/06/2012 tổng số lao động tại Công ty là 426 người.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thái Nguyên, tại Tổ 10, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.
- Nhà Máy nước khoáng AVA, tại Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
- Nhà máy Chế biến rau quả và Nước giải khát, tại Tổ 1A, phường Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Xí nghiệp Tuyển khoáng Bằng Lũng, tại Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
- Xí nghiệp Bột kẽm Ô xít, tại Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.
- Xí nghiệp khai thác khoáng sản Bằng Lăng, tại Xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Nikko Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Kạn cấp ngày 18/9/2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 25/7/2008. Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn hiện nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty con nhưng chưa thay đổi đăng ký kinh doanh.
- Công ty TNHH Hòa Thiên hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600995682 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Nguyên cấp ngày 26/10/2011. Công ty Cổ phần Khoáng sản nắm giữ 52% vốn điều lệ theo đăng ký và 51,14% theo vốn thực góp.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Khai thác đá, cát, sỏi và kinh doanh vật liệu xây dựng; Khai thác khoáng sản phi kim loại, thạch anh, barít, Fenpat, cao lanh; Kinh doanh và chế biến xuất nhập khẩu nông sản, lâm sản, các loại quả, rau, củ...; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu rượu, bia và nước giải khát; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và khách sạn; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị phục vụ khai thác và chế biến khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, tư vấn thăm dò, khai thác mỏ và luyện kim; Đầu tư tài chính; Khai thác, sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước khoáng; Tái chế phế liệu kim loại; Sản xuất và mua bán gạch, ngói, phụ gia xi măng...; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất và kinh doanh nước đá tinh khiết; Kinh doanh kho bãi; Sản xuất xi măng./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong kỳ hoạt động nêu trên.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập tại ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các thay đổi trong chính sách kế toán

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với kỳ trước.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Góp vốn liên doanh và Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Giấy phép khai thác khoáng sản, chi phí sử dụng đất và tài sản vô hình là phần mềm quản lý. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với Tài sản cố định vô hình. Kế toán Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Quyền khai thác khoáng sản	05 năm
Chi phí sử dụng đất	20 năm
Tài sản vô hình khác	03 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	998.667.918	491.574.887
Tiền gửi ngân hàng	3.228.264.049	1.538.840.720
Tổng	4.226.931.967	2.030.415.607

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN/HN

5.2 Phải thu khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phòng Kinh doanh	150.000.000	50.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	225.238.080	267.256.241
Công ty Ứng dụng và Phát triển Công nghệ	1.459.254.795	-
Phải thu khác	1.932.632.298	2.289.237.227
Tổng	3.767.125.173	2.606.493.468

5.3 Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	60.084.140	60.084.140
Nguyên liệu, vật liệu	17.384.506.665	15.988.120.794
Công cụ, dụng cụ	579.102.662	541.482.222
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.626.676.755	10.822.597.689
Thành phẩm	20.285.922.769	7.057.252.090
Hàng hoá	125.682.531	172.925.039
Tổng	45.061.975.522	34.642.461.974

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

		Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tại ngày 1 tháng 1		1.451.346.928
Tăng trong kỳ		210.989.545
Kết chuyển vào chi phí		181.982.001
Tại ngày 30 tháng 06		1.480.354.472
Chi tiết theo khoản mục chi phí	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Khoan thăm dò tại Mỏ Nà Bốp - Pù sáp	285.424.493	428.136.740
Chi phí nhà máy luyện chì	355.558.617	355.558.617
Chi phí sửa chữa lò quay	504.142.560	492.572.562
Công cụ dụng cụ	335.228.802	175.079.009
Tổng	1.480.354.472	1.451.346.928

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đây là khoản tiền thuế Tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng rượu Công ty đã xuất bán, đã nộp thuế nhưng khách hàng trả lại rượu.

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.615.245.962	1.803.738.165
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	85.000.000	30.000.000
Tổng	1.700.245.962	1.833.738.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	41.613.506.878	37.774.004.138	6.458.834.838	956.798.434	1.365.909.770	88.169.054.058
Tăng trong kỳ	1.899.921.892	637.814.400	-	-	-	2.537.736.292
Mua trong kỳ		637.814.400	-	-	-	637.814.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.899.921.892	-	-	-	-	1.899.921.892
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	43.513.428.770	38.411.818.538	6.458.834.838	956.798.434	1.365.909.770	90.706.790.350
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	11.024.983.194	21.103.555.041	3.848.104.458	643.955.378	1.365.909.770	37.986.507.841
Tăng trong kỳ	655.311.330	1.384.928.181	311.076.264	54.896.574	-	2.406.212.350
Khấu hao trong kỳ	655.311.330	1.384.928.181	311.076.264	54.896.574	-	2.406.212.350
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	11.680.294.524	22.488.483.222	4.159.180.722	698.851.952	1.365.909.770	40.392.720.191
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	30.588.523.684	16.670.449.097	2.610.730.380	312.843.056	-	50.182.546.217
Tại ngày 30/06/2012	31.833.134.246	15.923.335.316	2.299.654.116	257.946.482	-	50.314.070.159
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						15.890.709.751

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	1.050.354.127	795.024.959	74.900.000	1.920.279.086
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	1.050.354.127	795.024.959	74.900.000	1.920.279.086
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	635.733.858	-	60.816.668	696.550.526
Tăng trong kỳ	30.588.088	-	7.041.666	37.629.754
Khấu hao trong kỳ	30.588.088	-	7.041.666	37.629.754
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	666.321.946	-	67.858.334	734.180.280
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	414.620.269	795.024.959	14.083.332	1.223.728.560
Tại ngày 30/06/2012	384.032.181	795.024.959	7.041.666	1.186.098.806

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	22.806.961.217	42.427.362.575
Phát sinh tăng	4.115.920.101	3.057.096.787
Phát sinh giảm	2.088.538.009	-
- Kết chuyển tài sản cố định	1.899.921.892	-
- Kết chuyển chi phí	188.616.117	-
Tại ngày 30 tháng 06	24.834.343.309	45.484.459.362
Chi tiết các công trình lớn	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nhà máy luyện chì	216.052.421	53.775.148
Nhà máy xử lý chất thải rắn	8.279.779.732	7.693.577.790
Sửa chữa lớn tại XN Bột kẽm và Ô xít	109.787.233	2.000.945.490
Xưởng in phun mờ chai	109.286.614	109.286.614
Điểm mỏ chì kẽm Tùm Tó, Nà Ruồng	1.235.087.749	1.235.087.749
Đường, cống, sân, đập, trạm bơm xưởng tuyển	2.714.479.101	2.714.479.100
Sửa chữa lớn Xí nghiệp tuyển khoáng	1.392.271.762	1.149.392.795
Dự án nhà máy xi măng Chợ Mới	2.677.542.107	2.677.542.107
Chi phí đào lò 313 và Boong ke 320, lò 326	1.030.617.713	1.030.617.713
Dự án mỏ vàng Pắc Lạng	1.084.095.606	244.979.467
Mở rộng nhà máy Rau quả	1.099.790.800	37.372.793
Nhà máy Công ty TNHH Hòa Thiên	4.672.910.961	3.859.904.451
Công trình khác	212.641.510	-
Tổng	24.834.343.309	22.806.961.217

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2012		1/1/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh		958.491.412		958.491.412
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	95.849	958.491.412	95.849	958.491.412
Đầu tư dài hạn khác		4.850.835.820		3.950.835.820
Đầu tư khai thác khoáng sản bên Lào	-	4.730.835.820	-	3.830.835.820
Tổng Công ty cổ phần Khoáng sản luyện kim Bắc Kạn	12.000	120.000.000	12.000	120.000.000
Tổng	95.849	5.809.327.232	107.849	4.909.327.232

Ngày 15/09/2007, Công ty đã ký bản thoả thuận hợp tác đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản với Công ty State Joint Venture of Trade Enterprise Complete Import – Export nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Theo đó, Công ty tiến hành lập Văn phòng Đại diện tại nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và các hoạt động nghiên cứu, đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản.

Thông tin về các công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Nơi thành lập	Sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	26,5%	Kinh doanh thương mại và du lịch

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	3.277.976.881	2.700.335.919
Tăng	526.561.438	239.080.000
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	91.388.259	2.939.415.919
Tại ngày 30 tháng 06	3.713.150.060	-

Chi tiết theo khoản mục chi phí	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí trước hoạt động Nhà máy luyện chì	2.713.509.124	2.713.509.124
Vật tư nhà máy chế biến rau quả	286.202.726	286.202.726
Chi phí sửa chữa lò + nhà kho Xí nghiệp Bột kẽm và Ô xít	210.099.748	125.620.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	503.338.462	152.645.031
Tổng	3.713.150.060	3.277.976.881

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	9.879.015.102	450.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn	4.554.732.476	450.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn	5.324.282.626	-
Vay ngắn hạn khác	422.000.000	463.720.000
Công ty TNHH Doanh Trí	52.000.000	122.000.000
Ma Quang Thái	30.000.000	-
Ông Vũ Đức Nguyên	40.000.000	40.000.000
Nguyễn Thị Hồng Tâm	300.000.000	301.720.000
Tổng	10.301.015.102	913.720.000

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.916.638	521.166.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	385.238.623	1.345.366.518
Thuế thu nhập cá nhân	4.072.774	3.585.706
Thuế tài nguyên	1.230.748.909	169.053.926
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	12.857.385	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.208.973.917	748.471.195
Tổng	3.851.808.246	2.787.643.895

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	1.886.043.190	329.831.033
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.693.912.955	7.855.951.026
Công ty Liên doanh Kim Loại màu Việt Bắc	3.911.834.400	3.911.834.400
Tiền cổ tức phải trả	354.055.160	356.349.410
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng	8.600.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.828.023.395	1.587.767.216
Tổng	16.579.956.145	8.185.782.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	60.347.000.000	16.011.030.000	-	10.813.772.575	1.464.758.933	11.221.760.364	99.858.321.872
Tăng trong năm	-	-	(6.999.861.600)	561.088.018	561.088.018	7.994.658.358	2.116.972.794
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.999.861.600)	-	-	-	(6.999.861.600)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	7.994.658.358	7.994.658.358
Trích lập quỹ	-	-	-	561.088.018	561.088.018	-	1.122.176.036
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	11.351.956.418	11.351.956.418
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	2.464.009.014	2.464.009.014
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	8.476.050.000	8.476.050.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	411.897.404	411.897.404
Số dư tại 31/12/2011	60.347.000.000	16.011.030.000	(6.999.861.600)	11.374.860.593	2.025.846.951	7.864.462.304	90.623.338.248
Số dư tại 01/01/2012	60.347.000.000	16.011.030.000	(6.999.861.600)	11.374.860.593	2.025.846.951	7.864.462.304	90.623.338.248
Tăng trong kỳ	-	64.291.615	(355.022.764)	-	-	(6.797.520.682)	(7.088.251.831)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(355.022.764)	-	-	-	(355.022.764)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(6.797.520.682)	(6.797.520.682)
Tăng khác	-	64.291.615	-	-	-	-	64.291.615
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	721.964.893	721.964.893
Giảm khác	-	-	-	-	-	721.964.893	721.964.893
Số dư tại 30/06/2012	60.347.000.000	16.075.321.615	(6.644.838.836)	11.374.860.593	2.025.846.951	344.976.729	83.523.167.052

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	60.347.000.000	60.347.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	60.347.000.000	60.347.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.476.050.000

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 Cổ phiếu	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 Cổ phiếu
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	5.443.200	6.034.700
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán	30.000	-
Cổ phiếu phổ thông	30.000	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	425.000
Cổ phiếu phổ thông	-	425.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.473.200	5.609.700
Cổ phiếu phổ thông	5.473.200	5.609.700

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã số chứng khoán là BKC. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

5.16 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng	16.515.140.722	47.589.496.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng	16.515.140.722	47.589.496.725
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	1.934.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	102.330.749	64.942.720
Tổng	102.330.749	66.876.720
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	16.412.809.973	47.522.620.005
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Tổng	16.412.809.973	47.522.620.005

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	18.498.003.486	34.348.877.276
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng	18.498.003.486	34.348.877.276

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	288.339.642	968.777.413
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.162.500
Tổng	288.339.642	970.939.913

5.19 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	477.458.760	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	358.592.510	-
Tổng	836.051.270	-

5.20 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu từ cho thuê văn phòng	144.000.000	-
Thu nhập khác	-	29.572.727
Tổng	144.000.000	29.572.727

5.21 Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tiền phạt nộp chậm thuế	430.605.228	-
Chi phí khác	47.013.650	87.729.712
Tổng	477.618.878	87.729.712

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN/HN

5.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.797.520.682)	10.467.313.731
+ Các khoản điều chỉnh tăng	450.605.228	70.000.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.346.915.454)	10.537.313.731
Thuế suất	25%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.107.462.746
Thuế TNDN được miễn giảm	-	(1.053.731.373)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.053.731.373

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(6.797.520.682)	9.413.582.358
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(6.797.520.682)	9.413.582.358
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.667.742	5.876.256
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.199)	1.602

5.24 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.137.059.729
Chi phí nhân công	9.259.387.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.443.842.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.785.900
Chi phí khác bằng tiền	900.001.960
Tổng	18.439.077.006

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Hội Đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	235.000.000	210.000.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	431.445.720	328.487.713

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	3.003.731.622	3.582.795.422
Công ty CP Đầu tư thương mại và Du lịch Bó Nặm	3.003.731.622	3.003.731.622

6.2. Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Khai thác khoáng sản, Sản xuất nhiên liệu sinh học và Lĩnh vực kinh doanh khác (Rượu và Nước giải khát).

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012:

	Khai thác khoáng sản	Sản xuất nhiên liệu sinh học	Khác	Cộng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	16.040.570.580	-	474.570.142	16.515.140.722
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Doanh thu	16.040.570.580	-	474.570.142	16.515.140.722
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(774.924.553)	-	(1.310.268.960)	(2.085.193.513)
Lãi tiền gửi và cổ tức	288.339.642	-	-	288.339.642
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	(333.618.878)	-	-	(333.618.878)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm				(6.797.520.682)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/06/2012**

	Khai thác khoáng sản	Sản xuất nhiên liệu sinh học	Khác	Cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định và BĐS	43.707.653.426	-	7.792.515.539	51.500.168.965
Xây dựng cơ bản dở dang	20.161.432.348	4.672.910.961	-	24.834.343.309
Các khoản phải thu	15.727.197.938	-	1.331.777.718	17.058.975.656
Hàng tồn kho	36.798.776.696	347.918.489	7.915.280.337	45.061.975.522
Tài sản không thể phân bổ				15.379.725.215
Tổng tài sản				153.835.188.667
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	50.536.289.829	937.930.832	-	51.474.220.661
Phải trả tiền vay	10.301.015.102	-	-	10.301.015.102
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	6.052.563.649
Tổng nợ phải trả				67.827.799.412

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2012

	Khai thác khoáng sản	Sản xuất nhiên liệu sinh học	Khác	Cộng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định và BĐS	42.727.534.144	-	8.678.740.633	51.406.274.777
Xây dựng cơ bản dở dang	18.947.056.766	3.859.904.451	-	22.806.961.217
Các khoản phải thu	11.872.967.871	-	1.816.898.704	13.689.866.575
Hàng tồn kho	26.341.873.436	-	8.300.588.538	34.642.461.974
Tài sản không thể phân bổ				11.854.484.250
Tổng tài sản				134.400.048.793
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	35.796.095.682	937.930.832	615.678.461	37.349.704.975
Phải trả tiền vay	913.720.000	-	-	913.720.000
Nợ phải trả không phân bổ				3.529.063.367
Tổng nợ phải trả				41.792.488.342

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN/HN

6.3. Công cụ tài chính**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.226.931.967	2.030.415.607
Các khoản đầu tư	4.850.835.820	3.950.835.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.885.534.052	7.977.000.209
Tổng cộng	16.963.301.839	13.958.251.636
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	10.301.015.102	913.720.000
Phải trả người bán và phải trả khác	25.567.077.583	14.940.156.308
Chi phí phải trả	31.959.000	30.785.000
Tổng cộng	35.900.051.685	15.884.661.308

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	10.301.015.102	-	10.301.015.102
Phải trả người bán và phải trả khác	25.549.077.583	18.000.000	25.567.077.583
Chi phí phải trả	-	31.959.000	31.959.000
Cộng	35.850.092.685	49.959.000	35.900.051.685

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN/HN

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

1/1/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	913.720.000	-	913.720.000
Phải trả người bán và phải trả khác	14.922.156.308	18.000.000	14.940.156.308
Chi phí phải trả	30.785.000	-	30.785.000
Cộng	15.866.661.308	18.000.000	15.884.661.308

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.226.931.967	-	4.226.931.967
Các khoản đầu tư	-	4.850.835.820	4.850.835.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.885.534.052	-	7.885.534.052
Cộng	12.112.466.019	4.850.835.820	16.963.301.839

1/1/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.030.415.607	-	2.030.415.607
Các khoản đầu tư	-	3.950.835.820	3.950.835.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.977.000.209	-	7.977.000.209
Cộng	10.007.415.816	3.950.835.820	13.958.251.636

6.4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty và một số số liệu so sánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ đã được soát xét vì năm 2011 Công ty chưa có Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên do chưa có Công ty con. Các Báo cáo tài chính đều đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám đốc



Trần Thị Yến

Đinh Trung Hiếu



Mai Văn Bản